

Bản án số: 364/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/8/2024  
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Xuân Luyện

2. Bà Bùi Thị Hảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xiêm – Thư ký Toà án nhân dân quận X, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận X tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận X, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXX-ST ngày 26/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐST ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị M, sinh năm 1995

HKTT: Tổ 28 phường T, quận X, Thành phố Hà Nội.

Hiện đang trú tại: Số nhà 18 ngách 1/68 đội 7A thôn Q, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Anh N sinh năm 1995

Trú tại: Tổ 28 phường T, quận X, Thành phố Hà Nội.

(Chị M xin vắng mặt. Anh N xin vắng mặt lần 2 không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2024 và các lời khai tại Tòa, chị M trình bày: Tôi xây dựng gia đình với anh N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận X, Thành phố Hà Nội ngày 03/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống cùng gia đình nhà anh N tại phường T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi sinh cháu đầu tiên đúng lúc chồng tôi làm ăn sa sút vỡ nợ, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng đôi lúc cùng xích mích cãi nhau chỉ vì cơm áo gạo tiền. Được sự giúp đỡ của hai bên nội ngoại, nợ nần đã trả được hết vợ chồng lại cùng nhau làm ăn, kinh tế bớt khó khăn nhưng đến năm 2021 thì lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N chơi mạng ảo dẫn đến

thua lỗ không thể vực dậy được. Tôi không rõ anh N làm ăn cái gì mà vay mượn hết anh em bạn bè rồi không trả được. Trong cuộc sống gia đình anh N còn luôn ghen tuông, đến chỗ tôi làm dọa uống xăng để tự tử. Cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng và ngột ngạt. Do thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, suốt ngày có người đến đòi nợ nên tháng 4 năm 2021 tôi mang cả con về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Từ khi ly thân anh N không hề quan tâm hay hỏi han gì đến vợ con, không gửi tiền cho tôi nuôi các cháu. Thịnh thoảng chỉ có ông bà nội xuống đón các cháu lên chơi. Tôi cũng không liên lạc với anh N từ năm 2021 cho đến nay.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu A sinh ngày 24/01/2019. Hiện nay cháu đang ở với tôi. Khi ly tôi xin được nuôi con và không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay tôi đang làm tại Trung tâm H phố S, phường L, quận X, Thành phố Hà Nội, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung: Khi ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Bị đơn anh N không đến Tòa do vậy không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Chị M có đơn xin xử vắng mặt nên không có ý kiến.

Anh N: Không có mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước khi có quyết định xét xử. Bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh N. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị M được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:** Chị M có đơn xin ly hôn anh N gửi tại Tòa án nhân dân quận X. Hiện anh N đang sinh sống tại phường T, quận X, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm

quyền của Tòa án nhân dân quận X. Chị M có đơn xin xử vắng mặt. Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị M và anh N theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị M xây dựng gia đình với anh N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận X, Thành phố Hà Nội ngày 03/3/2018. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày là do vợ chồng anh N làm ăn sa sút vỡ nợ, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng đôi lúc cũng xích mích cãi nhau chỉ vì cơm áo gạo tiền. Được sự giúp đỡ của hai bên nội ngoại, nợ nần đã trả được hết vợ chồng lại cùng nhau làm ăn, kinh tế bớt khó khăn nhưng đến năm 2021 thì lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N chơi mạng ảo dẫn đến thua lỗ không thể vực dậy được. Trong cuộc sống gia đình anh N còn luôn ghen tuông nên cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng và ngột ngạt. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn. Anh N không đến Tòa như vậy thể hiện anh N không có biện pháp hàn gắn gia đình, không có thiện chí đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được và đây cũng là căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị M và anh N có 01 con chung là cháu A sinh ngày 24/01/2019. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Khi ly hôn chị M xin được nuôi con và không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện cháu Anh đang ở với mẹ ổn định, anh N không đến Tòa nên không có ý kiến. Do vậy thấy cần giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị M không có yêu cầu và không đề nghị Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung do vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

**Về tài sản chung:** Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị M phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 của điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên**

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, sinh năm 1995.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị M sinh năm 1995 được ly hôn với anh N, sinh năm 1995.

**Về con chung:** Xác định chị M và anh N có 01 con chung A sinh ngày 24/01/2019. Giao cháu Anh cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh N cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

**Về tài sản chung:** Không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự quận X ngày 22 tháng 3 năm 2024 theo LB số 0018560, nay được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị M và anh N. Chị M và anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**Nơi gửi:**

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận X;
- THADS quận X;
- UBND phường T,  
quận X, Thành phố Hà Nội;
- Lưu TA

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Nga**